# TIẾT 5 + 6 - §5: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

Thời gian thực hiện: 2 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Tuần | II | II | II |
| Ngày dạy | 13/9 | 13/9 | 12/9 |
| 15/9 | 13/9 | 14/9 |
| Tiết theo ppct | 5,6 | 5,6 | 5,6 |

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được thừa số, tích; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân ( dấu “ ” hoặc dấu “.”

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép nhân ( a × b; a.b; ab) tùy hoàn cảnh cụ thể).

+ Tìm được tích của hai thừa số; tìm được thương và số dư ( nếu có) của một phép chia.

+ Vận dụng được các tính chất của phép nhân và phép cộng trong tính toán.

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV: +** Điện thoại thông minh có cài phần mềm Plickers ( [https://get.plickers.com/),](https://get.plickers.com/),mã) mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS.

+ Giáo án PPT.

**2 . HS** : Mang đầy đủ đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS biết sử dụng phép nhân, phép chia trong thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** HS hình thành nhu cầu sử dụng phép tính cộng, trừ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu hoặc một bài toán khác phù hợp với nội dung kiến thức “ Mẹ em mua một túi 10kg gạo ngon loại 20 nghìn đồng một kilogam. Hỏi mẹ em phải đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tờ 50 nghìn đồng để trả tiền gạo?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu ra nháp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép nhân, phép chia, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép nhân số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ phép nhân: thừa số, tích.

+ Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân.

+ Củng cố phép đặt tính nhân và kĩ năng tính nhẩm.

+ Giúp HS trải nghiệm dẫn đến nhận biết các tính chất quen thuộc của phép nhân.

+ Giải quyết được bài toán thực tiễn.

+ Giúp HS hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS: Phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS phát biểu về khái niệm nhân hai số tự nhiên.  + GV phân tích khái niệm, nêu thêm ví dụ và cho HS áp dụng để tính toán:  5 . 4 = 5 + 5 + 5 + 5 = 20  16. 3 = 16 + 16 + 16 = 48  + GV cho HS đọc phần chú ý và phân tích.  + GV yêu cầu HS áp dụng làm **Ví dụ 1.**  (GV gợi ý cách trình bày phép đặt tính nhân -> chữa và phân tích kĩ cách làm)  + GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 1**  (GV lưu ý lại cho HS cách trình bày, khắc phục những sai sót của HS)  **+** HS áp dụng kiến thức làm **Vận dụng 1** (Giải quyết bài toán thực tiễn).  ( GV có thể tổ chức HĐ nhóm. Chia lớp thành 2 hoặc 4 nhóm). Có thể sử dụng Plickers, mã làm bài.  + GV tổ chức lớp thành 3 nhóm. Mỗi nhóm thực hiện một HĐ trong các HĐ sau và cử đại diện lên trình bày.  **HĐ1**: Cho a = 12 và b = 5. Tính a.b ; b.a và so sánh kết quả.  **HĐ2:** Tìm số tự nhiên c sao cho ( 3 . 2) . 5 = 3. ( 2 . 5 )  **HĐ3: Tính và so sánh**  3 . (2 + 5) = 3 . 2 + 3 . 5  + GV đặt câu hỏi: Các kết quả cho thấy phép nhân có những tính chất nào?  => GV khái quát ( quy nạp ) tới ba tính chất của phép nhân.  + GV lưu ý cho HS trong phần **Chú ý.**  **+** GV cho HS hoàn thành kết quả tính toán sau ra nháp:  2 × 5 = …  4 × 25 = …  8 × 125 = …  => Rút ra nhận xét khi tính các tích có chứa các cặp thừa số như thế ta nên nhóm chúng lại với nhau.  + GV yêu cầu HS hoàn thành **Ví dụ 2** vào phiếu BT. ( Có thể thêm các câu 10 × 25 = …; 32 × 25 = …; …)  + GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 2** để củng cố kĩ năng tính nhẩm.  **+** HS áp dụng kiến thức làm **Vận dụng 2.**  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Phép cộng số tự nhiên**  **a. Nhân hai số tự nhiên**  + Phép nhân hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tích của a và b, kí hiệu a × b hoặc a.b  **KH:** a .b = a + a + ... + a ( b là só hạng) VD: 5 . 4 = 5 + 5 + 5 + 5 = 20  16. 3 = 16 + 16 + 16 = 48  **Chú ý:** Nếu các thừa số đều bằng chữ, hoặc chỉ có một thừa số bằng số thì ta có thể không viết dấu nhân giữa các thừa số.  Chẳng hạn, a.b = ab ; 2.m = 2m  *Ví dụ 1:*  7 3 8  × 4 8  5 9 0 4  2 9 5 2  3 5 4 2 4  *Luyện tập 1:*  a) 834 . 57  8 3 4  × 5 7  5 8 3 8  4 1 7 0  4 7 5 3 8  b) 603. 295  *Vận dụng 1:*  Giải:  Bác Thiệp phải trả số tiền là:  350 × 250 = 87 500 ( đồng)  Đ/s: 87 500 đồng.  **2. Tính chất của phép nhân**  Phép nhân có các tính chất:  + **Giao hoán**: ab = ba  + **Kết hợp**: (ab)c = a(bc)  + **Phân phối** của phép nhân đối với phép cộng: a(b+c) = ab + ac  ***\* Chú ý:***   * a .1 = 1 . a =a   a . 0 = 0 . a = 0   * Tích (ab)c hay a(bc) gọi là tích của ba số a, b, c và viết gọn là abc.   *Ví dụ 2:*  24 . 25 = ( 6 . 4) . 25 = 6. ( 4. 25) = 6 × 100 = 600  *Luyện tập 2:*  125 . 8 001 . 8 = ( 125 . 8) . 8 001 = 1000 . 8 001 = 8 001 000  *Vận dụng 2:* Giải  Nhà trường cần dùng tất cả số bóng đèn LED là:  32 × 8 = 256 (bóng)  Nhà trường phải trả số tiền mua bóng đèn LED là:  256 × 96 = 24 576 (nghìn đồng)  Đáp số: 24 576 000 đồng. |

**Hoạt động 2: Phép chia hết và phép chia có dư**

**a) Mục tiêu:**

+ HS ôn lại phép đặt tính chia giúp HS liên hệ đến các khái niệm.

+ Củng cố phé đặt tính chia.

+ Vận dụng thực tế.

+ Giải quyết được bài toán mở đầu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV mời hai HS lên bảng, mỗi em thực hiện một phép đặt tính chia ( **HĐ4**) và trả lời câu hỏi của **HĐ5.**  ( Các HS còn lại làm trong vở nháp)  **HĐ4:** Thực hiện các phép chia 196 : 7 và 215 : 18.  **HĐ5:** Trong hai phép chia trên, hãy chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư. Trong mỗi trường hợp, hãy cho biết số bị chia, sô chia, thương và số dư ( nếu có).  + GV nêu nhận xét về phép đặt tính và kết luận của HS về số bị chia, số chia, số dư.  + GV phân tích quan hệ giữa các đại lượng: số bị chia, số chia, thương và số dư.  => **Chú ý:** Trong phép chia có dư, số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia.  + GV phân tích **Ví dụ 3** qua trình chiếu Slide và lưu ý cách đặt tính phép chia và khắc họa cho HS cách viết a : b = q ( dư r)  + GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 3**  ( GV gợi ý HS có thể đặt tính. Nhắc HS trước khi đặt tính cần xem phép trừ có thực hiện được không).  + GV phân tích và hướng dẫn **Ví dụ 4**  **+** HS áp dụng kiến thức giải **Vận dụng 3:** *Bài toán mở đầu.*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. Phép trừ số tự nhiên**      + Với hai số tự nhiên a, b đã cho, ( b 0)ta luôn tìm được q và r N sao cho a = bq + r, trong đó 0 r < b.  + Nếu r = 0 thì ta có **phép chia hết** a : b = q; a là số bị chia, q là thương.  + Nếu r 0 thì ta có phép chia có dư a: b = q (dư r); a là số bị chia, b là số chia, q là thương và r là số dư.  Ví dụ 3:    => 4847 : 131 = 37 ( dư 0)    => 6580 : 157 = 35 ( dư 85)  *Luyện tập 3*      *Ví dụ 4:*  Vì 487 : 45 = 10 ( dư 37) nên xếp đủ 10 xe thì còn thừa 37 người và phải dùng thêm 1 xe nữa để chở hàng hết những người này. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1.23 ; 1.25 ; 1.27**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**Bài 1.23 :**

a) b) c) d)

1 3 5 6

× 1 2 5

6 7 8 0

2 7 1 2

3 3 9 0 0

8 4 5

× 2 5 3

2 5 3 5

4 2 2 5

4 4 7 8 5

2 7 3

× 4 7

1 9 1 1

1 0 9 2

1 2 8 3 1

9 5 1

× 2 3

2 8 5 3

1 9 0 2

2 1 8 7 3

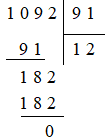
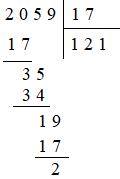
**Bài 1.25 :**

a) 125 . 101 = 125 . ( 100 + 1) = 125 . 100 + 125 . 1

b) 21 . ( 50 – 1) = 21. 50 – 21 . 1= 1050 – 21 = 1029

**Bài 1.27 :**

**a) b)**

** **

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 1.26 ; 1.29**

**Bài 1.26 :** HD : 50 × 11 × 4 = 2 200 ( chỗ ngồi). Vậy trường có thể nhận nhiều nhất 2 200 HS để tất cả các em đều có chỗ ngồi học.

**Bài 1.29 :** HD**:** Ta có 997 : 5 = 199 ( dư 2). Vậy xếp 995 HS vào 199 ghế, mỗi ghế 5 em ; 2 em còn lại xếp vào ghế thứ 200.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm bài tập **1.24**; **1.28**; **1.30**.

- Chuẩn bị trước bài “ **Luyện tập chung**”: Ôn lại toàn bộ kiến thức từ Bài 1 -> Bài 5 và xem trước các bài tập.